



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 828/2026/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 10 tháng 02 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung, mức chi cho các hoạt động của kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 004/2025/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;*

*Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho các hoạt động của kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 41/BC-BVHXXH ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho các hoạt động của kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động của kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 13 Điều 8, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

**2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định.

**Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Nội dung, mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC và các quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3. Nội dung chi và mức chi**

1. Nội dung chi và mức chi đối với các kỳ thi: Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi tuyển sinh đầu cấp; thi học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa; thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông; thi khảo sát; thi thử tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Nội dung, mức chi cho công tác tập huấn, bồi dưỡng các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, dự thi cấp khu vực trong nước chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác thuộc phạm vi nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện nội dung và mức chi không vượt quá 60% mức chi quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn kinh phí xã hội hóa, nguồn kinh phí huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 189/2022/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (cũ) quy định nội dung chi và mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) quy định về nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII Kỳ họp thứ 36 thông qua ngày 10 tháng 02 năm 2026./.*

**CHỦ TỊCH**

**Trần Quốc Văn**

**Phụ lục I**  
**TIỀN CÔNG CHO TỪNG CHỨC DANH**  
**LÀ THÀNH VIÊN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THI**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 828/2026/NQ-HĐND*  
*Ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

| TT       | Nội dung chi                                                                                                                                                                         | Đơn vị tính     | Mức chi   |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|
| <b>I</b> | <b>CÔNG TÁC RA ĐỀ THI</b>                                                                                                                                                            |                 |           |
| <b>1</b> | <b>Chi tiền công ra đề thi</b>                                                                                                                                                       |                 |           |
| a        | Chi tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi                                                                                                              |                 |           |
|          | Chủ trì                                                                                                                                                                              | đồng/người/ngày | 600.000   |
|          | Thành viên                                                                                                                                                                           | đồng/người/ngày | 420.000   |
| b        | Chi tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận                                                                                                                                   |                 |           |
|          | Thi tuyển sinh đầu cấp đại trà; thi khảo sát, thi thử tốt nghiệp trung học phổ thông                                                                                                 | đồng/đề         | 600.000   |
|          | Thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông chuyên; thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa; thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia                             | đồng/đề         | 1.000.000 |
| c        | Chi tiền công ra đề thi chính thức và dự bị ( <i>Soạn thảo, thẩm định, phản biện</i> ) có kèm theo đáp án, biểu điểm ( <i>Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói gồm 10 chủ đề</i> ) | đồng/người/ngày | 600.000   |
| d        | Chi tiền công thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi                                                                                                                                      |                 |           |
|          | Chủ tịch/Trưởng ban                                                                                                                                                                  | đồng/người/ngày | 600.000   |
|          | Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban                                                                                                                                                          | đồng/người/ngày | 540.000   |
|          | Ủy viên, Thư ký                                                                                                                                                                      | đồng/người/ngày | 420.000   |
|          | Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng trong                                                                                                                                        | đồng/người/ngày | 420.000   |
|          | Công an, nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ vòng ngoài                                                                                                                                  | đồng/người/ngày | 230.000   |
| <b>2</b> | <b>Chi tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi</b>                                                                                                                                  |                 |           |
| a        | Chi tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi                                                                                                              |                 |           |
|          | Chủ trì                                                                                                                                                                              | đồng/người/ngày | 600.000   |
|          | Thành viên                                                                                                                                                                           | đồng/người/ngày | 420.000   |
| b        | Chi tiền công soạn thảo câu hỏi thô                                                                                                                                                  | đồng/câu        | 70.000    |
| c        | Chi tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi                                                                                                                       | đồng/câu        | 60.000    |
| d        | Chi tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm                                                                                                                                       | đồng/câu        | 50.000    |
| đ        | Chi tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi                                                                                                                    | đồng/câu        | 35.000    |
| e        | Chi tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa                                                                                   | đồng/câu        | 10.000    |
| g        | Chi tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm                                                                                                                                |                 |           |
|          | Chủ trì                                                                                                                                                                              | đồng/người/ngày | 600.000   |

| TT        | Nội dung chi                                                                                                                                                        | Đơn vị tính     | Mức chi |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------|
|           | Thành viên                                                                                                                                                          | đồng/người/ngày | 420.000 |
| <b>3</b>  | <b>Chi tiền công cho Hội đồng/Ban in sao đề thi</b>                                                                                                                 |                 |         |
|           | Chủ tịch/Trưởng ban                                                                                                                                                 | đồng/người/ngày | 600.000 |
|           | Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban                                                                                                                                         | đồng/người/ngày | 540.000 |
|           | Ủy viên, Thư ký                                                                                                                                                     | đồng/người/ngày | 420.000 |
|           | Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng trong                                                                                                                       | đồng/người/ngày | 420.000 |
|           | Công an, nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ vòng ngoài                                                                                                                 | đồng/người/ngày | 230.000 |
| <b>II</b> | <b>CÔNG TÁC CHUẨN BỊ THI, TỔ CHỨC THI VÀ CHẤM THI</b>                                                                                                               |                 |         |
| <b>1</b>  | <b>Chi tiền công cho công tác chuẩn bị thi của Ban Thư ký/Tổ Thư ký (đăng ký dự thi, sắp xếp phòng thi, xử lý hồ sơ, điều động và các công việc khác liên quan)</b> |                 |         |
|           | Trưởng ban/Tổ trưởng                                                                                                                                                | đồng/người/ngày | 280.000 |
|           | Phó Trưởng ban/Tổ phó                                                                                                                                               | đồng/người/ngày | 250.000 |
|           | Ủy viên/Thành viên                                                                                                                                                  | đồng/người/ngày | 200.000 |
| <b>2</b>  | <b>Chi tiền công cho các thành viên Ban chỉ đạo thi, các Hội đồng/Ban</b>                                                                                           |                 |         |
| a         | Ban Chỉ đạo thi                                                                                                                                                     |                 |         |
|           | Trưởng ban                                                                                                                                                          | đồng/người/ngày | 600.000 |
|           | Phó Trưởng ban                                                                                                                                                      | đồng/người/ngày | 540.000 |
|           | Ủy viên; Thư ký                                                                                                                                                     | đồng/người/ngày | 420.000 |
|           | Nhân viên phục vụ, thành viên Tổ giúp việc                                                                                                                          | đồng/người/ngày | 230.000 |
| b         | Hội đồng thi                                                                                                                                                        |                 |         |
|           | Chủ tịch                                                                                                                                                            | đồng/người/ngày | 600.000 |
|           | Phó Chủ tịch                                                                                                                                                        | đồng/người/ngày | 540.000 |
|           | Ủy viên                                                                                                                                                             | đồng/người/ngày | 420.000 |
| c         | Ban Thư ký/ Tổ Thư ký                                                                                                                                               |                 |         |
|           | Trưởng ban/ Tổ trưởng                                                                                                                                               | đồng/người/ngày | 600.000 |
|           | Phó Trưởng ban/ Tổ phó                                                                                                                                              | đồng/người/ngày | 540.000 |
|           | Ủy viên/ Thành viên                                                                                                                                                 | đồng/người/ngày | 420.000 |
| d         | Hội đồng/Ban coi thi/ Điểm thi                                                                                                                                      |                 |         |
|           | Chủ tịch/Trưởng ban                                                                                                                                                 | đồng/người/ngày | 600.000 |
|           | Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban                                                                                                                                         | đồng/người/ngày | 540.000 |
|           | Trưởng Điểm thi                                                                                                                                                     | đồng/người/ngày | 500.000 |
|           | Phó Trưởng Điểm thi                                                                                                                                                 | đồng/người/ngày | 460.000 |
|           | Ủy viên, thư ký, giám thi/giám thị giám sát coi thi/cán bộ coi thi/cán bộ giám sát, kỹ thuật viên                                                                   | đồng/người/ngày | 420.000 |
|           | Công an, bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ, kiểm soát viên quân sự                                                                                                    | đồng/người/ngày | 230.000 |
| đ         | Ban/Tổ vận chuyển đề thi                                                                                                                                            |                 |         |
|           | Trưởng ban /Tổ trưởng                                                                                                                                               | đồng/người/ngày | 500.000 |

| TT  | Nội dung chi                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính     | Mức chi |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------|
|     | Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi                                                                                                                                                            | đồng/người/ngày | 300.000 |
| e   | Ban/Tổ làm phách                                                                                                                                                                                |                 |         |
|     | Trưởng ban /Tổ trưởng                                                                                                                                                                           | đồng/người/ngày | 600.000 |
|     | Phó Trưởng ban/Tổ phó                                                                                                                                                                           | đồng/người/ngày | 540.000 |
|     | Ủy viên, Thư ký                                                                                                                                                                                 | đồng/người/ngày | 420.000 |
|     | Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng trong                                                                                                                                                   | đồng/người/ngày | 420.000 |
|     | Nhân viên phục vụ, công an, y tế, bảo vệ vòng ngoài                                                                                                                                             | đồng/người/ngày | 230.000 |
| g   | Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban phúc khảo, Hội đồng/Ban chấm thẩm định                                                                                                                      |                 |         |
|     | Chủ tịch/Trưởng ban                                                                                                                                                                             | đồng/người/ngày | 600.000 |
|     | Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban                                                                                                                                                                     | đồng/người/ngày | 540.000 |
|     | Ủy viên, thư ký, giám sát, kỹ thuật viên                                                                                                                                                        | đồng/người/ngày | 420.000 |
|     | Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, y tế                                                                                                                                                        | đồng/người/ngày | 230.000 |
| 3   | <b>Công an trực, bảo vệ đề thi, bài thi 24 giờ/ngày trước khi bàn giao cho các ban (in sao, coi thi, làm phách, chấm thi)</b>                                                                   | đồng/người/ngày | 230.000 |
| 4   | <b>Chi tiền công cho người chấm thi, chấm kiểm tra, giám sát chấm thi, chấm phúc khảo, chấm thẩm định bài thi tự luận, bài thi trắc nghiệm, bài thi thực hành, bài thi nói, bài thi tin học</b> |                 |         |
| a   | Tiền công cho tổ trưởng tổ phó các tổ chấm thi/phúc khảo tự luận, trắc nghiệm (ngoài tiền công chấm)                                                                                            | đồng/người/đợt  | 300.000 |
| b   | Chấm thi, chấm kiểm tra, giám sát chấm thi, chấm phúc khảo, chấm thẩm định bài thi tự luận, bài thi trắc nghiệm, bài thi thực hành, bài thi nói, bài thi tin học                                | đồng/người/ngày | 500.000 |
| III | <b>CHI TIỀN CÔNG CHO CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA TRƯỚC, TRONG VÀ SAU THI</b>                                                                                                                   |                 |         |
| 1   | Trưởng đoàn                                                                                                                                                                                     | đồng/người/ngày | 600.000 |
| 2   | Phó Trưởng đoàn                                                                                                                                                                                 | đồng/người/ngày | 500.000 |
| 3   | Thành viên                                                                                                                                                                                      | đồng/người/ngày | 420.000 |

**Phụ lục II**  
**NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG CÁC**  
**ĐỘI TUYỂN DỰ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP QUỐC GIA, DỰ THI**  
**CẤP KHU VỰC TRONG NƯỚC**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 828/2026/NQ-HĐND

Ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

| TT        | Nội dung chi                                                                                                 | Đơn vị tính     | Mức chi |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------|
| <b>I</b>  | <b>TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG CÁC ĐỘI TUYỂN DỰ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP QUỐC GIA</b>                              |                 |         |
| 1         | Chi tiền công người phụ trách lớp                                                                            | đồng/người/ngày | 420.000 |
| 2         | Chi tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, dạy thực hành                                                |                 |         |
| a         | Chi tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết cho giáo viên có trình độ đại học                             | đồng/tiết       | 400.000 |
| b         | Chi tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành cho giáo viên có trình độ đại học                             | đồng/tiết       | 430.000 |
| c         | Chi tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, dạy thực hành cho chuyên gia là giảng viên, giáo sư, tiến sỹ | đồng/tiết       | 700.000 |
| 3         | Chi tiền ăn cho học sinh khi học tập trung (không quá 90 ngày)                                               | đồng/người/ngày | 200.000 |
| 4         | Chi tiền giải khát giữa giờ cho học sinh trong thời gian học tập trung (không quá 90 ngày)                   | đồng/người/ngày | 50.000  |
| 5         | Chi tiền thuê phòng nghỉ, phòng học, điện, nước                                                              | Theo thực tế    |         |
| <b>II</b> | <b>TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG CÁC ĐỘI TUYỂN DỰ THI CẤP KHU VỰC TRONG NƯỚC</b>                                       |                 |         |
| 1         | Chi tiền công cho giáo viên dạy tập huấn, bồi dưỡng đội tuyển học sinh lớp 10, 11 tham dự kỳ thi             | đồng/tiết       | 400.000 |